KPMG

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 5911
Giờ..... Ngày 24 tháng 2 năm 12

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
Thông tin chung

Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng	05/UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2009
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	142/QĐ - SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010
Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	14/UBCK-GCN ngày 2 tháng 4 năm 2010 Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.
Ban Đại diện Quỹ	Ông Thái Tấn Dũng — Chủ tịch Ông Phan Ngọc Diệp — Phó Chủ tịch Ông Nguyễn Trường Giang — Thành viên Ông Nguyễn Mạnh Hải — Thành viên Ông Bùi Nguyên Quỳnh — Thành viên Ông Nguyễn Trung Thành — Thành viên Ông Lê Anh Tuấn — Thành viên
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ngân hàng Giám sát	Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở Đăng ký	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza 17 Lê Duẩn Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Thái Tấn Dũng, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ"), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Ông Thái Tấn Dũng
Chủ tịch

KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 2 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này trong báo cáo kiểm toán ký ngày 15 tháng 2 năm 2011 đã trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Giấy phép kiểm toán số: 11-01-242

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity. All rights reserved.

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam **Mẫu B01-QĐT**

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A.	**TÀI SẢN**			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3	155.823.578.839	27.902.428.673
120	2. Đầu tư chứng khoán	4	15.001.316.600	188.386.801.700
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	5	1.592.599.445	9.960.956.257
200	**TỔNG TÀI SẢN**		**172.417.494.884**	**226.250.186.630**
B.	**NGUỒN VỐN**			
300	**I. NỢ PHẢI TRẢ**		**756.469.632**	**4.823.090.861**
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	6	54.498.957	3.968.322.617
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		34.000.000	29.041.667
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	292.320.688	377.067.077
318	4. Phải trả khác	8	375.649.987	448.659.500
400	**II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**171.661.025.252**	**221.427.095.769**
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư	9	240.437.600.000	240.437.600.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(68.776.574.748)	(19.010.504.231)
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**172.417.494.884**	**226.250.186.630**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam **Mẫu B01-QĐT**
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chứng khoán theo mệnh giá (ngoại trừ quyền phát hành cổ phiếu)	11.994.440.000	50.125.590.000

MiChael Su
Operation Manager

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
A.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN**			
10	**I. (Lỗ)/Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện**		**(38.633.069.043)**	**4.415.869**
11	1. Cổ tức được nhận		5.448.533.190	3.550.245.500
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		23.482.521	349.634.189
13	3. Lãi tiền gửi ngân hàng		14.206.782.894	6.737.161.697
14	4. Lỗ bán chứng khoán		(58.311.867.648)	(11.332.533.117)
18	5. Thu nhập khác		-	699.907.600
30	**II. Chi phí**		**5.427.114.996**	**4.977.455.944**
31	1. Phí quản lý và thưởng hoạt động	13	3.900.366.495	3.352.066.711
32	2. Phí lưu ký và giám sát	13	78.007.331	67.041.335
33	3. Chi phí họp, đại hội		359.068.681	460.468.507
34	4. Chi phí kiểm toán		159.841.165	150.111.500
38	5. Phí và chi phí khác	11	929.831.324	947.767.891
50	**III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm/kỳ**		**(44.060.184.039)**	**(4.973.040.075)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Mẫu B02-QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
B.	**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN**			
60	**I. Thu nhập**		**15.307.063.808**	**3.885.891.975**
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư		15.307.063.808	3.885.891.975
70	**II. Chi phí**		**21.012.950.286**	**17.923.356.131**
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		21.012.950.286	17.923.356.131
80	**III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện trong năm/kỳ**		**(5.705.886.478)**	**(14.037.464.156)**
	LỖ THUẦN TRONG NĂM/KỲ		**(49.766.070.517)**	**(19.010.504.231)**
	Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ	**12**	**(2.070)**	**(791)**

MiChael Su
Operation Manager

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam **Mẫu B05-QĐT**
Báo cáo tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1	Tiền gửi ngân hàng	3	155.823.578.839	27.902.428.673
2	Đầu tư chứng khoán	4	15.001.316.600	188.386.801.700
2.1	Trái phiếu		533.000.000	503.000.000
2.2	Cổ phiếu chủ sở hữu		14.468.316.600	187.620.857.500
2.2.1	*Cổ phiếu niêm yết*		*13.497.723.000*	*187.620.857.500*
2.2.2	*Cổ phiếu chưa niêm yết*		*970.593.600*	-
2.3	Quyền mua cổ phiếu		-	262.944.200
3	Cổ tức được nhận	5	518.315.000	919.671.000
4	Lãi được nhận	5	482.444.445	111.285.257
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	5	591.840.000	8.405.000.000
6	Phải thu khác	5	-	525.000.000
	Tổng tài sản		**172.417.494.884**	**226.250.186.630**
7	Phải trả hoạt động đầu tư	6	54.498.957	3.968.322.617
8	Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		34.000.000	29.041.667
9	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	292.320.688	377.067.077
10	Phải trả khác	8	375.649.987	448.659.500
	Tổng nợ phải trả		**756.469.632**	**4.823.090.861**
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ		**171.661.025.252**	**221.427.095.769**
	Tổng số đơn vị quỹ		**24.043.760**	**24.043.760**
	Giá trị của một đơn vị quỹ		**7.140**	**9.209**

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

MiChael Su
Operation Manager

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam **Mẫu B06-QĐT**

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	2011 VND	Giai đoạn từ 2/4/2010 đến 31/12/2010 VND
I	**Giá trị tài sản ròng đầu năm/kỳ**	**221.427.095.769**	**-**
II	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm/kỳ**	**(49.766.070.517)**	**221.427.095.769**
	Trong đó:		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm/kỳ	(49.766.070.517)	(19.010.504.231)
2	Vốn góp của các nhà đầu tư trong năm/kỳ	-	240.437.600.000
III	**Giá trị tài sản ròng cuối năm/kỳ**	**171.661.025.252**	**221.427.095.769**

MiChael Su
Operation Manager

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

STT	Loại	Số lượng	Giá trị thị trường/giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I	**Cổ phiếu niêm yết**			**13.497.723.000**	**7,83%**
1	BVH	8	41.000	328.000	0,00%
2	BTS	27.000	3.500	94.500.000	0,05%
3	DBC	33	12.500	412.500	0,00%
4	EIB	21.974	14.300	314.228.200	0,18%
5	FPT	3	49.700	149.100	0,00%
6	HAG	5	19.500	97.500	0,00%
7	HBC	7	22.900	160.300	0,00%
8	KDC	5	26.000	130.000	0,00%
9	KSB	111.630	37.100	4.141.473.000	2,40%
10	PLC	901	14.200	12.794.200	0,01%
11	PVS	4.800	14.700	70.560.000	0,04%
12	PVX	3.791	6.800	25.778.800	0,01%
13	REE	6	11.300	67.800	0,00%
14	SD5	96.600	21.300	2.057.580.000	1,19%
15	TCM	6	8.400	50.400	0,00%
16	TTF	5	5.800	29.000	0,00%
17	VCS	27.181	10.700	290.836.700	0,17%
18	VMC	119.900	15.000	1.798.500.000	1,04%
19	VNM	25.175	86.500	2.177.637.500	1,26%
20	XMC	302.700	8.300	2.512.410.000	1,46%
II	**Cổ phiếu chưa niêm yết**			**970.593.600**	**0,56%**
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	404.414	2.400	970.593.600	0,56%
III	**Trái phiếu**			**533.000.000**	**0,31%**
1	Trái phiếu chuyển đổi- DBC	5.330	100.000	533.000.000	0,31%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam **Mẫu B07-QĐT**

Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

STT	Loại	Số lượng	Giá trị thị trường/giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
IV	**Các tài sản khác**			**1.592.599.445**	**0,92%**
1	Cổ tức được nhận			518.315.000	0,30%
2	Lãi được nhận			482.444.445	0,28%
3	Tiền bán chứng khoán phải thu			591.840.000	0,34%
V	**Tiền gửi ngân hàng**			**155.823.578.839**	**90,38%**
VI	**Tổng giá trị danh mục**			**172.417.494.884**	**100,00%**

MiChael Su
Operation Manager

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam ("Quỹ") được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 240.437.600.000 VND. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ.

Hoạt động chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho Quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 142/QD-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng Far East Nation Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Quyết định 63/2005/QD-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QD-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành các quy tắc thiết lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những điểm được nêu ở Thuyết minh số 2(g).

Các chính sách kế toán sau đây đã được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ từ ngày 2 tháng 4 (ngày giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quỹ áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Quỹ. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do phương pháp áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

(f) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn mà kỳ hạn không quá ba tháng.

(g) Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Đánh giá lại

Theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Các chứng khoán niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá đóng cửa của các chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các chứng khoán chưa niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá bình quân gia quyền được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là các bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với trái phiếu chưa niêm yết mà không xác định được giá thị trường sẽ được đánh giá theo phương pháp định giá trái phiếu phù hợp.

Cổ phiếu thưởng, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền phát hành được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không ngay từ đầu và được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo tài chính bằng cách tham chiếu giá trị của các chứng khoán vào ngày đó.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

(l) Vốn góp

Các đơn vị quỹ được phân loại và trình bày trong vốn chủ sở hữu.

(m) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được chi trả hình thành.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng Giám sát nhận được Thông báo giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) sau khi đã được Ngân hàng Giám sát kiểm tra và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(n) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

(o) Lãi trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị mỗi đơn vị quỹ

Quỹ trình bày lãi cơ bản trên mỗi đơn vị ("EPU") cho các đơn vị quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm/kỳ.

Giá trị mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(p) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QD-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối năm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	823.578.839	3.902.428.673
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	86.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000.000.000
Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	2.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	69.000.000.000	4.000.000.000
	155.823.578.839	27.902.428.673

Điều khoản và điều kiện của các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	Đáo hạn	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	14%	Tháng 3 năm 2012	83.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	14%	Tháng 1 năm 2012	3.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	VND	14%	Tháng 1 năm 2012	69.000.000.000
				155.000.000.000

4. Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như được trình bày trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2(g), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

Năm 2011

	Giá mua VND	Lỗ do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại 31/12/2011 VND
Cổ phiếu niêm yết	29.854.878.834	(16.357.155.834)	13.497.723.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.356.788.400	(3.386.194.800)	970.593.600
Trái phiếu chuyển đổi	533.000.000	-	533.000.000
	34.744.667.234	(19.743.350.634)	15.001.316.600

Năm 2010

	Giá mua VND	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại 31/12/2010 VND
Cổ phiếu niêm yết	201.921.265.856	(14.300.408.356)	187.620.857.500
Trái phiếu chuyển đổi	503.000.000	-	503.000.000
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	262.944.200	262.944.200
	202.424.265.856	(14.037.464.156)	188.386.801.700

Giá trị ghi sổ của các công cụ nợ thể hiện mức độ tín dụng tối đa. Không có tài sản thế chấp thu được từ đơn vị phát hành các công cụ nợ.

5. Phải thu hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền bán chứng khoán phải thu (*)	591.840.000	8.405.000.000
Lãi được nhận	482.444.445	94.527.778
Cổ tức được nhận	518.315.000	919.671.000
Lãi trích trước phải thu từ trái phiếu chuyển đổi	-	16.757.479
Tiền đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	-	525.000.000
	1.592.599.445	9.960.956.257

(*)Tiền bán chứng khoán phải thu thể hiện số tiền phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đối với cổ phiếu niêm yết được nhận được sau 3 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

6. Phải trả hoạt động đầu tư

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	-	3.801.340.000
Phí môi giới phải trả	54.498.957	166.982.617
	54.498.957	3.968.322.617

(*) Khoản đầu tư chờ thanh toán thể hiện khoản phải trả cho việc mua các chứng khoán đầu tư được thanh toán sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	286.588.910	369.673.605
Phí lưu ký và giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	5.731.778	7.393.472
	292.320.688	377.067.077

8. Phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí đại hội thường niên trích trước	300.873.236	298.548.000
Phí kiểm toán trích trước	74.776.751	150.111.500
	375.649.987	448.659.500

9. Vốn phát hành

Vốn được duyệt của Quỹ là 240.437.600.000 VND, tương đương 24.043.760 đơn vị quỹ với mỗi đơn vị quỹ trị giá 10.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số vốn được góp bởi các chủ đầu tư là 240.437.600.000 VND, tương đương 24.043.760 đơn vị quỹ (31/12/2010: 240.437.600.000, tương đương 24.043.760 đơn vị quỹ).

Không có biến động vốn trong năm.

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

10. Lỗ lũy kế

	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Số dư đầu năm/kỳ	(19.010.504.231)	-
Lỗ thuần trong năm/kỳ	(49.766.070.517)	(19.010.504.231)
Số dư cuối năm/kỳ	(68.776.574.748)	(19.010.504.231)

Do sự suy thoái chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam, Quỹ đã phát sinh lỗ thuần trong năm 49.766.070.517 VND (2010: 19.010.504.231 VND) trong đó 44.060.184.039 VND là lỗ hoạt động đã thực hiện (2010: 4.973.040.075 VND) và 5.705.886.478 VND là lỗ hoạt động chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (2010: 14.037.464.156 VND). Do đó, Quỹ đã báo cáo khoản lỗ lũy kế 68.776.574.748 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: lỗ lũy kế là 19.010.504.231 VND).

11. Phí và chi phí khác

	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Phí môi giới bán chứng khoán	414.279.609	396.554.208
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 13 (c))	221.000.000	156.541.667
Công tác phí của Ban Đại diện Quỹ	194.536.588	244.706.252
Chi phí khác	100.015.127	149.965.764
	929.831.324	947.767.891

12. Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ

Lỗ trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính trên cơ sở lỗ của năm là 49.766.070.517 VND (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010: lỗ 19.010.504.231 VND) và số đơn vị quỹ bình quân trong năm là 24.043.760 đơn vị quỹ (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010: 24.043.760 đơn vị quỹ).

13. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Phí quản lý Quỹ	3.900.366.495	3.352.066.711

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Mức thưởng hoạt động không được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 vì chưa đủ điều kiện.

(b) Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Giám sát

	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Phí giám sát và quản lý tài sản	78.007.331	67.041.335

Quỹ đã chỉ định ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh làm Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng.

(c) Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	2011 VND	Giai đoạn từ ngày 2/4/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	221.000.000	156.541.667

14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay. Việc so sánh các số liệu được báo cáo trước đây và số liệu được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2010 (phân loại lại) VND	31/12/2010 (đã được trình bày trước đây) VND
Phải thu hoạt động đầu tư	9.960.956.257	8.405.000.000
Phải thu khác	-	1.555.956.257

(b) Báo cáo tài sản

	31/12/2010 (phân loại lại) VND	31/12/2010 (đã được trình bày trước đây) VND
Phải trả khác	-	854.768.244
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	29.041.667	-
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	377.067.077	-
Phải trả khác	448.659.500	-

15. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2010
I	**Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư**		
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	8,70%	83,26%
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	8,39%	82,93%
3	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	7,83%	82,93%
4	Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,56%	0,00%
5	Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,31%	0,22%
6	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,12%
7	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	90,38%	12,33%
8	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	-25,72%	-6,20%
9	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	3,15%	2,20%
II	**Các chỉ số thị trường**		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trên thị trường	24.043.760	24.043.760
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý Quỹ	0,13%	0,12%
3	Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ mua bán	12,16%	34,32%
4	Giá trị đơn vị quỹ (VND)	7.140	9.209

16. Quản lý rủi ro tài chính

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và trái phiếu được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu. Chứng khoán chưa niêm yết và trái phiếu thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	54.498.957	54.498.957	54.498.957	-	-
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	34.000.000	34.000.000	34.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	292.320.688	292.320.688	292.320.688	-	-
Phải trả khác	375.649.987	375.649.987	375.649.987	-	-
	756.469.632	756.469.632	756.469.632	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Phải trả cho các hoạt động đầu tư	3.968.322.617	3.968.322.617	3.968.322.617	-	-
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	29.041.667	29.041.667	29.041.667	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	377.067.077	377.067.077	377.067.077	-	-
Phải trả khác	448.659.500	448.659.500	448.659.500	-	-
	4.823.090.861	4.823.090.861	4.823.090.861	-	-

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và và trái phiếu mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 13.497.723.000 VND (31 tháng 12 năm 2010: 187.620.857.500 VND). Trong năm 2011, tỉ lệ biến động giữa tháng có VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 31%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 31% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 4.184.294.130 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 58.162.465.825 VND) và theo đó tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 4.184.294.130 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 58.162.465.825 VND).

17. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	155.823.578.839	155.823.578.839	27.902.428.673	27.902.428.673
Các khoản đầu tư chứng khoán	15.001.316.600	15.001.316.600	188.386.801.700	188.386.801.700
Trái phiếu	*533.000.000*	*533.000.000*	*503.000.000*	*503.000.000*
Cổ phiếu niêm yết	*13.497.723.000*	*13.497.723.000*	*187.620.857.500*	*187.620.857.500*
Cổ phiếu chưa niêm yết	*970.593.600*	*970.593.600*	-	-
Quyền mua chứng khoán	-	-	*262.944.200*	*262.944.200*
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	1.592.599.445	1.592.599.445	9.960.956.257	9.960.956.257
	172.417.494.884	172.417.494.884	226.250.186.630	226.250.186.630
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho hoạt động đầu tư	54.498.957	54.498.957	3.968.322.617	3.968.322.617
Tiền thù lao phải trả cho Ban Đại diện Quỹ	34.000.000	34.000.000	29.041.667	29.041.667
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	292.320.688	292.320.688	377.067.077	377.067.077
Phải trả khác	375.649.987	375.649.987	448.659.500	448.659.500
	756.469.632	756.469.632	4.823.090.861	4.823.090.861

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá giao dịch bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

18. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày 9 tháng 2 năm 2012 tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ đã tăng 1.529.512.600 VND đạt 16.530.829.200 VND so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do sự hồi phục chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

	31/12/2011 VND	9/2/2012 VND	Biến động VND
Đầu tư chứng khoán			
Cổ phiếu niêm yết	13.497.723.000	14.986.794.200	1.489.071.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	970.593.600	1.011.035.000	40.441.400
Trái phiếu chuyển đổi	533.000.000	533.000.000	-
	15.001.316.600	16.530.829.200	1.529.512.600

19. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2012.

MiChael Su
Operation Manager

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Ngân hàng Far East National Bank
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
JEFFREY LIU
General Director

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2012